

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-STC ngày #nbh tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi nộp NS phí, lệ phí			-
I	Số thu phí, lệ phí	5.622,00	5.622,00	-
1	Lệ phí			
2	Thu phí	5.622,00	5.622,00	-
a	Nguồn thu chi phí TTQT VĐT, HTT, BLAC	4.842,00	4.842,00	-
b	Nguồn thu khác	780,00	780,00	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại được để lại	5.603,00	5.603,00	-
1	Chi sự nghiệp	-	-	-
a	KP nhiệm vụ thường xuyên			-
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ			-
3	Hoạt động sự nghiệp khác	5.603,00	5.603,00	-
a	Chi hoạt động TTQT VĐT, HTT	4.823,00	4.823,00	-
b	Chi hoạt động khác	780,00	780,00	-
III	Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	-	-	-
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-	-
IV	Quyết toán thu, chi nộp NS phí, lệ phí	19,00	19,00	-
1	Nguồn thu chi phí TTQT VĐT, HTT	19,00	19,00	-
3	Nguồn thu khác	-	-	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	16.474,21	16.474,21	-
1	Chi quản lý hành chính	16.462,12	16.462,12	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.731,20	11.731,20	-
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	4.730,91	4.730,91	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-
2.1	KP thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			-
2.2	KP nhiệm vụ TX theo chức năng			-
2.3	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	8,00	8,00	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	8,00	8,00	-
4	Chi SN y tế, dân số và gia đình			-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
4.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
5.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên		-	-
6	Chi hoạt động kinh tế	4,09	4,09	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
6.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	4,09	4,09	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
7.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
8.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên		-	-
9	Chi SN ph.thanh, tr.hình, thông tấn			-
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
9.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-
10.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên			-